

Số: 4085 /QĐ-BNN-TT

Hà Nội, ngày 27 tháng 10 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**V/v Phê duyệt Đề án Phát triển cây ăn quả
chủ lực đến năm 2025 và 2030**

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Luật Trồng trọt ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 15/2017/NĐ-CP ngày 17/02/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Trồng trọt,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Đề án Phát triển cây ăn quả chủ lực đến năm 2025 và 2030”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Trồng trọt, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (để báo cáo);
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- UBND các tỉnh/TP trực thuộc TƯ;
- Công thông tin điện tử Bộ NN&PTNT;
- Lưu: VT, TT.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Lê Quốc Doanh

ĐỀ ÁN PHÁT TRIỂN CÂY ĂN QUẢ CHỦ LỰC ĐẾN NĂM 2025 VÀ 2030

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BNN-TT ngày tháng năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

I. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

1. Quan điểm

- Phát triển cây ăn quả phải phù hợp với Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.
- Phát triển cây ăn quả trên cơ sở phát huy tiềm năng, lợi thế các vùng sinh thái; nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng, khả năng cạnh tranh của sản phẩm; bảo vệ môi trường sinh thái, thích ứng với biến đổi khí hậu.
- Tổ chức lại sản xuất, hình thành các vùng sản xuất cây ăn quả chủ lực tập trung, quy mô lớn, gắn với phát triển các nhà máy chế biến và thị trường tiêu thụ.
- Đẩy mạnh liên kết tại vùng sản xuất cây ăn quả chủ lực tập trung; áp dụng đồng bộ các tiến bộ khoa học công nghệ trong sản xuất, bảo quản và chế biến sản phẩm cây ăn quả.
- Tăng cường chế biến sâu đa dạng hóa sản phẩm, phát triển các sản phẩm có chỉ dẫn địa lý, xây dựng mã số vùng trồng, truy xuất nguồn gốc; huy động các nguồn lực xã hội đầu tư phát triển sản xuất, chế biến sản phẩm cây ăn quả.

2. Mục tiêu

a) Mục tiêu chung

Phát triển bền vững cây ăn quả chủ lực; góp phần tạo việc làm, tăng thu nhập, tăng giá trị xuất khẩu, thúc đẩy cơ cấu lại ngành nông nghiệp ổn định đời sống nhân dân, phát triển kinh tế-xã hội và đảm bảo quốc phòng an ninh khu vực nông thôn.

b) Mục tiêu cụ thể

- Đến năm 2025:

+ Diện tích cây ăn quả cả nước 1,2 triệu ha, sản lượng trên 14 triệu tấn; trong đó, diện tích cây ăn quả chủ lực 960 ngàn ha, sản lượng 11-12 triệu tấn.

+ Tại các vùng sản xuất cây ăn quả tập trung: Tỷ lệ giá trị sản phẩm được sản xuất dưới các hình thức hợp tác, liên kết đạt 30-35%; tỷ lệ diện tích trồng mới, trồng tái canh sử dụng giống chất lượng cao 70-80%; tỷ lệ diện tích cây ăn quả áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP và tương đương...) 30%; diện tích được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước 20-30%.

+ Kim ngạch xuất khẩu trái cây đạt trên 5 tỷ USD.

- Đến năm 2030:

+ Diện tích cây ăn quả cả nước 1,3 triệu ha, sản lượng trên 16 triệu tấn; trong đó, diện tích cây ăn quả chủ lực 01 triệu ha, sản lượng 13-14 triệu tấn.

+ Tại các vùng sản xuất cây ăn quả tập trung: Tỷ lệ giá trị sản phẩm được sản xuất dưới các hình thức hợp tác, liên kết đạt 60-70%; tỷ lệ diện tích trồng mới, trồng tái canh sử dụng giống chất lượng cao 80-90%; tỷ lệ diện tích cây ăn quả áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP và tương đương...) 40-50%; diện tích được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước 30-40%.

+ Kim ngạch xuất khẩu trái cây đạt khoảng 6,5 tỷ USD.

II. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÂY ĂN QUẢ CHỦ LỰC ĐẾN NĂM 2030

1. Cây thanh long

Ổn định diện tích thanh long khoảng 60 - 65 ngàn ha, sản lượng 1,3 - 1,5 triệu tấn. Các vùng sản xuất thanh long tập trung gồm: Bình Thuận, Long An, Tiền Giang.

Xây dựng cơ cấu giống thanh long ruột trắng, ruột đỏ, thanh long vỏ vàng phù hợp nhu cầu thị trường.

Bố trí diện tích thanh long rải vụ thu hoạch khoảng 60% diện tích, thanh long chính vụ 40% diện tích.

Áp dụng đồng bộ các quy trình sản xuất tiên tiến, an toàn, ứng dụng kỹ thuật trồng thanh long theo dàn chữ T, tưới nước tiết kiệm, sử dụng đèn chuyên dụng điều khiển ra hoa; đốn tỉa và xử lý cành đốn trên cây thanh long.

Từng bước hình thành các vùng sản xuất thanh long theo thị trường xuất khẩu có chứng nhận hoặc cấp mã số vùng trồng. Tổ chức liên kết giữa vùng sản xuất tập trung với các doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu thanh long.

2. Cây xoài

Định hướng phát triển khoảng 130-140 ngàn ha, sản lượng 1,1-1,5 triệu tấn. Các tỉnh sản xuất xoài trọng điểm: Vùng trung du miền núi phía Bắc (Sơn La), vùng Nam Trung bộ (Bình Thuận, Khánh Hòa), vùng Đông Nam bộ (Đồng Nai, Tây Ninh), vùng đồng bằng sông Cửu Long (Đồng Tháp, An Giang, Vĩnh Long, Tiền Giang, Hậu Giang).

Đối với các tỉnh phía Bắc, bố trí hợp lý bộ giống xoài theo hướng các giống chính vụ khoảng 70% diện tích, các giống rải vụ thu hoạch chiếm khoảng 30% diện tích. Ngoài việc sử dụng bộ giống rải vụ, kết hợp biện pháp thâm canh có thể kéo dài thời gian thu hoạch từ 2 - 3 tháng. Các tỉnh phía Nam, diện tích xoài rải vụ thu hoạch 50% diện tích, chính vụ 50% diện tích.

Phục tráng, bình tuyển cây đầu dòng; xây dựng vườn cây đầu dòng, ưu tiên giống xoài cát Hòa Lộc, xoài tượng Da xanh, xoài Keo.... Chú trọng phát triển giống xoài vỏ dày phục vụ xuất khẩu và giống làm gốc ghép có khả năng chịu hạn, mặn, phèn ở các tỉnh phía Nam.

Liên kết sản xuất, áp dụng đồng bộ các tiến bộ khoa học kỹ thuật: đồn tĩa tạo hình, tưới nước tiết kiệm, kỹ thuật xử lý ra hoa, đậu quả, kỹ thuật bao quả, thâm canh theo các quy trình sản xuất tiên tiến an toàn.

3. Cây chuối

Định hướng phát triển khoảng 165-175 ngàn ha, sản lượng 2,6-3 triệu tấn. Các tỉnh sản xuất chuối trọng điểm: Vùng đồng bằng sông Hồng (TP. Hà Nội, Hưng Yên), vùng trung du miền núi phía Bắc (Sơn La, Phú Thọ, Lai Châu), vùng Bắc Trung bộ (Thanh Hóa, Nghệ An, Quảng Trị), vùng Nam Trung bộ (Quảng Nam, Phú Yên, Khánh Hòa), vùng Đông Nam bộ (Đồng Nai), Tây Nguyên (Gia Lai) và vùng đồng bằng sông Cửu Long (Tiền Giang, Trà Vinh, Kiên Giang, Sóc Trăng, Cà Mau).

Tiếp tục nghiên cứu chọn tạo, tăng cường sử dụng các giống có năng suất cao, chất lượng tốt, kháng bệnh (nhất là bệnh vàng lá Panama). Phục tráng giống, chuyển giao các giống chuối đặc sản gắn với chương trình phát triển sản phẩm OCOP ở các địa phương.

Áp dụng đồng bộ các quy trình sản xuất tiên tiến, hữu cơ, an toàn trong sản xuất; chú trọng kỹ thuật bao buồng, kỹ thuật trồng xen, chống đổ và đẩy mạnh cơ giới hóa trong sản xuất chuối tập trung.

4. Cây vải

Ổn định diện tích khoảng 55 ngàn ha, sản lượng 330-350 ngàn tấn; bố trí cơ cấu giống vải chín sớm khoảng 30% diện tích, chính vụ khoảng 70% diện tích. Các tỉnh sản xuất vải trọng điểm: Bắc Giang, Thái Nguyên, Lạng Sơn, Hải Dương, Hưng Yên, Quảng Ninh.

Bình tuyển, phục tráng các giống vải đặc sản địa phương, kết hợp chọn tạo, nhập nội, chuyển giao các giống mới chất lượng, chín sớm (thu hoạch trong khoảng tháng 5).

Áp dụng đồng bộ gói kỹ thuật thâm canh trong điều kiện biến đổi khí hậu: ghép cải tạo, tĩa cành, tạo tán, kỹ thuật xử lý ra hoa, đậu quả...

Tổ chức liên kết giữa các hộ tại vùng sản xuất tập trung với các doanh nghiệp xuất khẩu. Chú trọng chuyển giao công nghệ bảo quản sau thu hoạch vải, đẩy mạnh sản xuất an toàn (VietGAP) và cấp mã số vùng trồng.

5. Cây nhãn

Ổn định diện tích khoảng 85 ngàn ha, sản lượng 700 - 750 ngàn tấn. Các tỉnh sản xuất nhãn trọng điểm: Vùng trung du miền núi phía Bắc (Sơn La, Bắc Giang, Tuyên Quang, Lào Cai), vùng đồng bằng sông Hồng (Hưng Yên, Hải Dương, Hà Nội), vùng Đông Nam bộ (Tây Ninh, Bà Rịa - Vũng Tàu), vùng đồng bằng sông Cửu Long (Tiền Giang, Bến Tre, Vĩnh Long, Đồng Tháp, Sóc Trăng).

Bố trí cơ cấu các giống nhãn ở các tỉnh phía Bắc với giống chín sớm 10%, chính vụ 50% và chín muộn 40% diện tích; các tỉnh phía Nam diện tích chính vụ 50%, rải vụ thu hoạch 50%.

Tiếp tục chọn tạo, nhập nội các giống nhãn mới chất lượng: giống dễ xử lý ra hoa, quả to, màu vỏ sáng, thịt quả dày, hạt nhỏ, chống chịu với chồi rồng và có thời gian bảo quản kéo dài.

Áp dụng đồng bộ các quy trình sản xuất tiên tiến, hữu cơ, an toàn trong sản xuất; đồn tĩa tạo hình, tưới nước tiết kiệm, kỹ thuật xử lý ra hoa, đậu quả, kỹ thuật bao quả; phát triển các vùng sản xuất nhãn có chứng nhận, cấp mã số vùng trồng phục vụ nội tiêu và xuất khẩu.

6. Cây cam

Định hướng ổn định diện tích khoảng 100 ngàn ha, sản lượng 1,2 - 1,3 triệu tấn. Các tỉnh sản xuất cam trọng điểm: Vùng trung du miền núi phía Bắc (Hòa Bình, Tuyên Quang, Hà Giang), vùng đồng bằng sông Hồng (TP. Hà Nội, Hưng Yên), vùng Bắc Trung bộ (Nghệ An, Hà Tĩnh), vùng đồng bằng sông Cửu Long (Tiền Giang, Vĩnh Long, Đồng Tháp, Hậu Giang, Sóc Trăng).

Các tỉnh phía Bắc, cơ cấu diện tích cam chính vụ 70-75%, diện tích cam rải vụ thu hoạch 25-30%. Các tỉnh vùng đồng bằng sông Cửu Long diện tích cam chính vụ 50%, rải vụ thu hoạch 50%.

Nhập nội, bình tuyển, chọn tạo và chuyển giao bộ giống cam có chất lượng, ít hạt hoặc không có hạt, chống chịu sâu bệnh hại, xây dựng vườn giống đầu dòng sạch bệnh, nhân giống cam sạch bệnh, phục vụ tái canh.

Áp dụng đồng bộ các quy trình sản xuất tiên tiến, hữu cơ, an toàn, chú trọng kỹ thuật tưới nước tiết kiệm, công nghệ bảo quản sau thu hoạch cam.

7. Cây bưởi

Định hướng phát triển khoảng 110-120 ngàn ha, sản lượng 1,2-1,6 triệu tấn. Các tỉnh sản xuất bưởi trọng điểm: Vùng trung du miền núi phía Bắc (Hòa Bình, Phú Thọ, Bắc Giang), vùng đồng bằng sông Hồng (Hà Nội), vùng Bắc Trung bộ (Hà Tĩnh), vùng đồng bằng sông Cửu Long (Tiền Giang, Bến Tre, Vĩnh Long, Hậu Giang).

Các tỉnh phía Bắc, bố trí cơ cấu giống bưởi chính vụ 70% diện tích, rải vụ thu hoạch 30%. Các tỉnh phía Nam, diện tích chính vụ 55% và rải vụ thu hoạch 45%.

Bình tuyển, phục tráng các giống bưởi bản địa, đặc sản địa phương có chất lượng, ít hạt, chống chịu sâu bệnh hại; đồng thời, nghiên cứu chọn tạo, phát triển giống bưởi mới, có chất lượng, phù hợp thị trường. Xây dựng vườn giống đầu dòng sạch bệnh, nhân giống bưởi sạch bệnh phục vụ sản xuất.

Đẩy mạnh sản xuất an toàn, ứng dụng kỹ thuật ghép cải tạo, tưới nước tiết kiệm, kỹ thuật thụ phấn bổ sung, xử lý ra hoa, đậu quả, phòng trừ sâu bệnh hại trong điều kiện biến đổi khí hậu, chú trọng khâu bảo quản bưởi.

8. Cây dứa

Định hướng phát triển khoảng 55-60 ngàn ha, sản lượng 800-950 ngàn tấn. Các tỉnh sản xuất dứa trọng điểm gồm: Ninh Bình, Thanh Hóa, Quảng Nam, Tiền Giang, Kiên Giang.

Trồng dứa rải vụ thu hoạch để phục vụ nhu cầu dứa quanh năm, đáp ứng công suất cho các nhà máy chế biến dứa đóng hộp và nhu cầu sử dụng dứa tươi thời điểm trái vụ từ tháng 11 đến tháng 3 năm sau. Bố trí tỷ lệ diện tích dứa trái vụ chiếm từ 30 - 40% diện tích.

Mở rộng diện tích trồng dứa tại một số vùng cho hiệu quả cao hơn cây trồng khác, như vùng đất nhiễm phèn, nhiễm mặn các tỉnh phía Nam, vùng miền núi phía Bắc, gần với các nhà máy chế biến.

Xây dựng hệ thống vườn giống gốc sạch bệnh phục vụ nhân giống, ứng dụng kỹ thuật sản xuất giống dứa sạch bệnh phục vụ sản xuất.

Áp dụng đồng bộ biện pháp kỹ thuật thâm canh: tưới nước tiết kiệm, che tủ đất, bón phân, phòng trừ sâu bệnh, kỹ thuật xử lý ra hoa trong sản xuất dứa...

9. Cây chôm chôm

Ổn định diện tích khoảng 25 ngàn ha, sản lượng 400 ngàn tấn. Các tỉnh sản xuất chôm chôm trọng điểm: Đồng Nai, Bến Tre, Vĩnh Long.

Bình tuyển, phục tráng các giống chôm chôm đặc sản địa phương, kết hợp chọn tạo, nhập nội, mở rộng giống mới chất lượng, có khả năng chống chịu điều kiện ngoại cảnh bất lợi, nhất là vùng đồng bằng sông Cửu Long. Cơ cấu tỷ lệ diện tích chôm chôm chính vụ tại vùng đồng bằng sông Cửu Long khoảng 50%, rải vụ 50%.

10. Cây sầu riêng

Định hướng phát triển khoảng 65-75 ngàn ha, sản lượng 830-950 ngàn tấn. Các tỉnh trọng điểm sản xuất sầu riêng: Vùng đồng bằng sông Cửu Long (Tiền Giang, Vĩnh Long, Bến Tre), đông nam Bộ (Đồng Nai, Bình Phước), Tây Nguyên (Lâm Đồng, Đắk Lắk, Đắk Nông).

Nghiên cứu chọn lọc, phục tráng, nhập nội, khảo nghiệm các giống sầu riêng theo hướng chất lượng cao phù hợp thị trường và thích ứng với biến đổi khí hậu.

Bình tuyển cây đầu dòng, xây dựng vườn cây đầu dòng, xây dựng hệ thống nhân giống sầu riêng sạch bệnh phục vụ sản xuất.

Áp dụng đồng bộ biện pháp kỹ thuật thâm canh: tưới nước tiết kiệm, bón phân, phòng trừ sâu bệnh, kỹ thuật xử lý ra hoa trong sản xuất trái vụ... Tỷ lệ diện tích sầu riêng chính vụ 50%, rải vụ 50%.

Tổ chức liên kết sản xuất, tăng cường chế biến sâu, đa dạng hóa sản phẩm như sầu riêng cấp đông, bột sầu riêng...; xây dựng chỉ dẫn địa lý, mã số vùng trồng, xuất xứ hàng hóa và thương hiệu sản phẩm cho sầu riêng.

11. Cây mít

Ổn định diện tích khoảng 50 ngàn ha, sản lượng 600-700 ngàn tấn. Các tỉnh sản xuất mít trọng điểm: Tây Nguyên (Lâm Đồng, Đắk Lắk, Đắk Nông, Gia Lai), đông nam Bộ (Đồng Nai, Bình Phước, Tây Ninh), đồng bằng sông Cửu Long (Tiền Giang, Vĩnh Long, Long An, Đồng Tháp, Hậu Giang).

Đẩy mạnh bình tuyển, phục tráng các giống mít đặc sản địa phương, chọn tạo, nhập nội, mở rộng các giống mới chất lượng, thuận lợi cho tiêu thụ và chế biến.

Xây dựng hệ thống vườn đầu dòng, đảm bảo cung cấp giống có chất lượng phục vụ sản xuất.

Rải vụ thu hoạch mít theo tỷ lệ diện tích chính vụ 60%, rải vụ 40%.

12. Cây chanh leo

Định hướng phát triển khoảng 12 - 15 ngàn ha, sản lượng 250 - 300 ngàn tấn. Các tỉnh sản xuất chanh leo trọng điểm: Lâm Đồng, Đắk Nông, Gia Lai, Đắk Lắk, Quảng Trị, Sơn La, Nghệ An.

Nghiên cứu chọn tạo và khảo nghiệm chanh leo mới chất lượng cao, chống chịu sâu bệnh hại. Hình thành hệ thống sản xuất cây giống chanh leo sạch bệnh phục vụ sản xuất.

Áp dụng đồng bộ kỹ thuật làm giàn, cắt tỉa, bón phân, tưới nước tiên tiến, tiết kiệm, phòng trừ sâu bệnh và luân canh...

Liên kết sản xuất, thực hiện sản xuất chanh leo an toàn, tăng cường kiểm tra điều kiện an toàn thực phẩm của các cơ sở sơ chế, chế biến, sản xuất nguyên liệu quả chanh leo nhằm nâng cao chất lượng.

13. Cây bơ

Định hướng ổn định diện tích khoảng 25-30 ngàn ha, sản lượng 250-300 ngàn tấn. Các tỉnh sản xuất bơ trọng điểm: Tây Nguyên (Đắk Lắk, Lâm Đồng, Đắk Nông), trung du miền núi phía Bắc (Sơn La), Bắc Trung bộ (Quảng Trị, Nghệ An).

Tiếp tục nghiên cứu chọn tạo giống bơ chất lượng cao và rải vụ thu hoạch; đồng thời, phục tráng giống bơ đặc sản có giá trị kinh tế cao.

Bình tuyển cây đầu dòng, xây dựng vườn đầu dòng, hệ thống nhân giống bơ, xây dựng cơ cấu giống bơ rải vụ thu hoạch trên địa bàn.

Áp dụng đồng bộ kỹ thuật trồng xen, tưới nước tiên tiến, tiết kiệm, đốn tỉa, bón phân và phòng trừ sâu bệnh...

Cơ cấu tỷ lệ diện tích bơ chín chính vụ 60%, rải vụ 40%.

Đẩy mạnh sản xuất an toàn, chú trọng khâu bảo quản quả bơ tươi; tăng cường chế biến sâu, đa dạng hóa sản phẩm bơ.

14. Cây na

Ổn định diện tích khoảng 25-30 ngàn ha, sản lượng 220-250 ngàn tấn. Các tỉnh sản xuất trọng điểm: Lạng Sơn, Bắc Giang, Quảng Ninh, Tây Ninh, Tiền Giang.

Đẩy mạnh bình tuyển, phục tráng các giống na đặc sản địa phương, chọn tạo, nhập nội các giống mới chất lượng, rải vụ thu hoạch thuận lợi cho tiêu thụ.

Xây dựng hệ thống vườn đầu dòng, nhân giống na phục vụ sản xuất.

Áp dụng đồng bộ biện pháp kỹ thuật đốn tía, xử lý ra hoa rải vụ thu hoạch, cơ giới hóa, bón phân, tưới nước tiết kiệm và phòng trừ sâu bệnh... Cơ cấu tỷ lệ diện tích thu hoạch chính vụ 70%, rải vụ thu hoạch 30%.

III. GIẢI PHÁP

1. Về tổ chức sản xuất

Căn cứ Đề án Phát triển cây ăn quả chủ lực toàn quốc được phê duyệt; các tỉnh, thành phố xác định quy mô vùng sản xuất cây ăn quả tập trung trong phương án quy hoạch tỉnh và các quy hoạch có liên quan khác; gắn phát triển vùng trồng cây ăn quả với các cơ sở bảo quản, chế biến sản phẩm.

Các địa phương tiếp tục thực hiện chính sách thu hút doanh nghiệp đầu tư xây dựng nhà máy chế biến sản phẩm cây ăn quả; phối hợp chặt chẽ với các doanh nghiệp định hướng quy mô vùng trồng các loại cây ăn quả chủ lực; thúc đẩy hình thành các chuỗi liên kết sản xuất cây ăn quả từ xây dựng vùng trồng đến chế biến, tiêu thụ sản phẩm.

Để xây dựng liên kết bền vững giữa danh nghiệp với hộ sản xuất cây ăn quả, Hợp tác xã có vai trò cầu nối quan trọng. Các địa phương cần thực hiện đồng bộ các giải pháp hỗ trợ phát triển Hợp tác xã cả về chiều rộng và chiều sâu, đặc biệt chú trọng hỗ trợ thành lập mới và nâng cao năng lực cho các thành viên Hợp tác xã.

Đối với hộ gia đình, cần chủ động liên kết với doanh nghiệp thông qua Hợp tác xã để hình thành vùng sản xuất cây ăn quả tập trung, gắn với xây dựng mã số vùng trồng truy suất nguồn gốc và tiêu thụ sản phẩm cây ăn quả. Đồng thời, tích cực tham gia các khóa đào tạo nghề làm vườn, tăng cường kỹ năng sản xuất, kiến thức thị trường về cây ăn quả....

2. Về khoa học công nghệ

Tiếp tục đầu tư lưu giữ nguồn gen; chọn, tạo, nhập mới giống cây ăn quả năng suất, chất lượng cao, rải vụ thu hoạch, chống chịu sâu bệnh hại, thích ứng điều kiện biến đổi khí hậu.

Tiếp tục hoàn thiện quy trình nhân giống cây ăn quả sạch bệnh; kỹ thuật rải vụ thu hoạch; quy trình canh tác tiên tiến; công nghệ xử lý, bảo quản, chế biến sau thu hoạch phù hợp với từng điều kiện cụ thể.

Nghiên cứu dự báo thị trường; nghiên cứu các giải pháp cơ giới hóa các khâu chăm sóc và thu hái quả; nghiên cứu công nghệ và thiết kế, chế tạo các dây chuyền thiết bị bảo quản, chế biến phục vụ xuất khẩu.

Ban hành hệ thống các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cây ăn quả phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế; quản lý chặt chẽ hệ thống sản xuất, cung ứng giống cây ăn quả, đảm bảo chất lượng giống phục vụ trồng mới, tái canh và ghép cải tạo.

Xây dựng các chương trình khuyến nông về canh tác tiên tiến, liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị; ưu tiên chuyển giao tiến bộ kỹ thuật thâm canh cây ăn quả chủ lực tại các vùng trồng tập trung theo GAP, hữu cơ...; ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất, chế biến, bảo quản sản phẩm.

3. Về đầu tư

Các hộ gia đình đầu tư phát triển vùng trồng cây ăn quả chủ lực để hình thành theo vùng nguyên liệu tập trung. Hợp tác xã, liên kết với các hộ gia đình và doanh nghiệp đầu tư nhà sơ chế, kho chứa sản phẩm. Doanh nghiệp đầu tư nhà máy chế biến, tiêu thụ sản phẩm cây ăn quả.

Ngân sách Nhà nước đầu tư các công trình thủy lợi tại các vùng sản xuất cây ăn quả tập trung, các công trình giao thông kết nối vùng sản xuất tập trung với các trục giao thông chính và các công trình hạ tầng thiết yếu khác phục vụ sản xuất, tiêu thụ sản phẩm cây ăn quả; nghiên cứu, chuyển giao khoa học công nghệ về giống, thâm canh, thu hoạch, bảo quản, chế biến sản phẩm cây ăn quả; xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm cây ăn quả chủ lực của vùng...

4. Thị trường tiêu thụ

Đối với thị trường trong nước, các địa phương cần xây dựng hình ảnh sản phẩm cây ăn quả đặc sản vùng miền và sản phẩm đặc hữu của từng địa phương. Hỗ trợ các tổ chức, cá nhân xây dựng thương hiệu sản phẩm cây ăn quả, gắn với chỉ dẫn địa lý; hình thành sàn giao dịch sản phẩm cây ăn quả; thực hiện các hoạt động xúc tiến thương mại để người tiêu dùng trong nước có đủ thông tin về sản phẩm cây ăn quả.

Đối với thị trường xuất khẩu, các địa phương tiếp tục phối hợp chặt chẽ với các Bộ và doanh nghiệp thực hiện các biện pháp mở rộng thị trường xuất khẩu; trọng tâm là sản xuất các sản phẩm theo nhu cầu thị trường các nước nhập khẩu và tháo gỡ rào cản thương mại. Tập trung thực hiện các biện pháp đẩy mạnh xuất khẩu quả chính ngạch vào thị trường Trung Quốc. Đồng thời, tiếp tục mở rộng các thị trường: Nhật Bản, Hoa Kỳ, Canada, Hàn Quốc, Nga, ASEAN, EU, Trung Đông, Bắc Phi...

5. Chính sách

Tổ chức thực hiện tốt các chính sách liên quan đến lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn: Chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn; chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông

ng nghiệp; chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp; chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp hữu cơ; chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; chính sách chuyển giao khoa học công nghệ vào sản xuất; chính sách phát triển Hợp tác xã... Đồng thời, nghiên cứu báo cáo cấp có thẩm quyền ban hành chính sách mới hỗ trợ phát triển cây ăn quả.

6. Về hợp tác quốc tế

Tăng cường hợp tác với các nước và các tổ chức quốc tế về khoa học kỹ thuật phục vụ phát triển cây ăn quả như: Trao đổi nguồn gen mới; nghiên cứu chọn, tạo, nhập nội giống mới; quy trình canh tác cây ăn quả an toàn, bền vững; công nghệ thu hái, bảo quản, chế biến cây ăn quả; tháo gỡ rào cản thương mại, xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm cây ăn quả...

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và PTNT

a) Cục Trồng trọt

Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan hướng dẫn các địa phương triển khai thực hiện Đề án; đề xuất các nhiệm vụ cần triển khai thực hiện Đề án; theo dõi kết quả thực hiện Đề án, tổng hợp khó khăn vướng mắc và đề xuất giải pháp tháo gỡ báo cáo Bộ trưởng.

b) Cục Chế biến và Phát triển thị trường nông sản

Chủ trì tham mưu, phối hợp với các địa phương, đơn vị kêu gọi các doanh nghiệp đầu tư nhà máy chế biến xuất khẩu các sản phẩm quả chủ lực; tham mưu cho Bộ phối hợp với các Bộ/Ngành tháo gỡ khó khăn về cơ chế, chính sách, rào cản thương mại, tăng cường tiêu thụ sản phẩm cây ăn quả.

c) Cục Bảo vệ thực vật

Chủ trì, phối hợp các địa phương quản lý dịch bệnh trên các loại cây ăn quả; hướng dẫn các địa phương xây dựng mã vùng trồng, truy suất nguồn gốc sản phẩm; phối hợp với các đơn vị thực hiện biện pháp mở rộng thị trường xuất khẩu sản phẩm cây ăn quả..

d) Các đơn vị khác thuộc Bộ

Theo chức năng, nhiệm vụ được giao phối hợp với Cục Trồng trọt, Cục Chế biến và Phát triển thị trường nông sản, Cục Bảo vệ thực vật thực hiện các nội dung Đề án.

2. Sở Nông nghiệp và PTNT các tỉnh, thành phố trực thuộc TW

Tham mưu cho UBND tỉnh, thành phố chỉ đạo triển khai, thực hiện các nội dung của Đề án: Định hướng phát triển cây ăn quả trong quy hoạch tỉnh; đề xuất cơ chế, chính sách; thu hút doanh nghiệp đầu tư cơ sở chế biến liên kết với nông dân, Hợp tác xã, Tổ hợp tác xây dựng vùng trồng cây ăn quả tập trung; xây dựng mã số vùng trồng; áp dụng quy trình công nghệ canh tác tiên tiến, an toàn; đầu

tư hạ tầng (giao thông, thủy lợi...) phục vụ phát triển cây ăn quả... Báo cáo kết quả triển khai thực hiện Đề án khi có yêu cầu.

3. Các Bộ/Ngành liên quan: Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các địa phương xây dựng cơ chế, chính sách và tổ chức thực hiện Đề án.

4. Các doanh nghiệp, Hiệp hội

Phối hợp với Bộ Nông nghiệp và PTNT, các địa phương triển khai thực hiện Đề án: Đề xuất cơ chế, chính sách phát triển cây ăn quả; tháo gỡ rào cản thương mại, mở rộng thị trường; chuyển giao khoa học công nghệ; hỗ trợ nông dân vay vốn, xây dựng vùng trồng cây ăn quả tập trung; liên kết thu mua, chế biến sản phẩm theo cơ chế thị trường; đầu tư cơ sở chế biến sâu nhằm đa dạng hóa sản phẩm, nâng cao chất lượng, khả năng cạnh tranh sản phẩm cây ăn quả...

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT